

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 791/TTr-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-PC ngày 16 tháng 10 năm 2026 của
Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức
chi hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy.

2. Đối tượng áp dụng: Đảng ủy xã, phường; ban thường vụ đảng ủy xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung, chế độ chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy xã, phường; ban thường vụ đảng ủy xã, phường ban hành

Văn bản trình đảng ủy xã, phường; ban thường vụ đảng ủy xã, phường là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề

án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

1. Đối với văn bản mới (*hoặc văn bản thay thế*)

a) Văn bản do đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do ban thường vụ đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 15.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 15.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối đa bằng 60% khoản 1 Điều này.

3. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (*trường hợp được giao xây dựng đề án*), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (*dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có*).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (*dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có*).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này, bao gồm những nội dung sau:

Chi họp, hội thảo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị

quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND.

Chi văn phòng phẩm: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác: Thực hiện theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Văn bản trình đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình ban thường vụ đảng ủy xã, phường

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

5. Mức chi quy định tại khoản 4 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

Điều 3. Chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy xã, phường; ban thường vụ đảng ủy xã, phường

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy xã, phường: Mức chi 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy: Mức chi 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm

của đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy xã, phường; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy xã, phường. Mức chi 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy xã, phường: Mức chi 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy xã, phường, ban thường vụ đảng ủy xã, phường: Mức chi 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy xã, phường; ban thường vụ đảng ủy xã, phường

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Điều 5. Chi trang phục

Các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của ngân sách cấp xã theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.
2. Các nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định của pháp luật và cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền.
3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, CTHĐND (3b).

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng